TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:* Ông **Ngô Văn L**, sinh năm 1986; CCCD số: 049086000745, ngày cấp: 13/4/2021 và bà **Hồ Thị Mỹ H**, sinh năm 1992; CCCD số: 048192000265, ngày cấp: 13/4/2021. Cùng địa chỉ: 35 Phùng Tá C, phường S, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành) ngày 22 tháng 7 năm 2025, người yêu cầu là ông Ngô Văn L và bà Hồ Thị Mỹ H đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn L và bà Hồ Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn vào ngày 03/10/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, TP Đà Nẵng) (Giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01/2012, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 03/10/2013). Trong quá trình chung sống, 2 vợ chồng không hợp về tính tình, quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù cả hai đã cố gắng tìm biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai vợ chồng ông bà đã thuận tình ly hôn. Vì vậy, ông bà yêu cầu tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Ngô Văn L và bà Hồ Thị Mỹ H có 02 con chung tên là Ngô Đăng K, sinh ngày: 11/5/2014 và Ngô Đăng K1, sinh ngày: 15/10/2020. Ông bà thỏa thuận khi ly hôn giao cả 02 con Ngô Đăng K và Ngô Đăng K1 cho bà Hồ Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Ngô Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/ tháng/ 02 con (3.000.000 đồng/ tháng/ con). Thời gian cấp dưỡng

vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/8/2025 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Ngô Văn L và bà Hồ Thị Mỹ H đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về nợ chung: Ông Ngô Văn L và bà Hồ Thị Mỹ H đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: Ông Ngô Văn L và bà Hồ Thị Mỹ H mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0000360 ngày 11/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn L và bà Hồ Thị Mỹ H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01/2012, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, TP Đà Nẵng) cấp ngày 03/10/2013 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Ngô Văn L và bà Hồ Thị Mỹ H đều xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Ngô Đăng K, sinh ngày: 11/5/2014 và Ngô Đăng K1, sinh ngày: 15/10/2020. Ly hôn, ông bà thống nhất giao cả 02 con Ngô Đăng K và Ngô Đăng K1 cho bà bà Hồ Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Ngô Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/ tháng/ 02 con (3.000.000 đồng/ tháng/ con). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/8/2025 cho đến khi các con Ngô Đăng K và Ngô Đăng K1 lần lượt đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Ngô Văn L và bà Hồ Thị Mỹ H đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Ông Ngô Văn L và bà Hồ Thị Mỹ H đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: Ông Ngô Văn L và bà Hồ Thị Mỹ H mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0000360 ngày 11/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND xã Thăng Điền, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thế Tài